

PHỤ LỤC 02
CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23287 /QĐ-SNV ngày 28/3/2024 của Sở Nội vụ)

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
1	Tiểu học Ngô Thì Nhậm	44				
1.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
1.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	37	04	20	13	
1	Giáo viên	37	04	20	13	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
1.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Thiết bị kiêm Quản trị công sở	01			01	
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư	01			01	
5	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ					01
1.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					02
1	Nhân viên Bảo vệ					02
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	41	04	20	17	
	Tỷ lệ (%)		9,7%	48,8%	41,5%	
2	Tiểu học Tam Hiệp	39				
2.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	02				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	01				
2.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	34	03	18	13	
1	Giáo viên	34	03	18	13	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
2.3	Công việc chuyên môn dùng chung	03			03	
1	Thư viện kiêm Quản trị công sở	01			01	
2	Kế toán kiêm Văn thư	01			01	
3	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
2.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	37	03	18	16	
	Tỷ lệ (%)		8,1%	48,6%	43,2%	
3	Tiểu học Tứ Hiệp	41				
3.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
3.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	34	03	19	12	
1	Giáo viên	34	03	19	12	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					
4	Nhân viên y tế kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
3.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện kiêm Quản trị công sở	01			01	
2	Kế toán	01			01	
3	Văn thư kiêm Thủ quỹ	01			01	
4	Y tế học đường	01			01	
3.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	38	03	19	16	
	Tỷ lệ (%)		7,9%	50,0%	42,1%	
4	Tiểu học Liên Ninh	33				
4.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	02				

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	01				
4.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	28	03	15	10	
1	Giáo viên	28	03	15	10	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4.3	Công việc chuyên môn dùng chung	03			03	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán kiêm Văn thư	01			01	
4	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
4.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					02
1	Nhân viên Bảo vệ					02
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	31	03	15	13	
	Tỷ lệ (%)		9,7%	48,4%	41,9%	
5	Tiểu học Triều Khúc	28				
5.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	02				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	01				
5.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	23	02	13	08	
1	Giáo viên	23	02	13	08	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
5.3	Công việc chuyên môn dùng chung	03			03	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán kiêm Văn thư	01			01	
4	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
5.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					02

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
1	Nhân viên Bảo vệ					02
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	26	02	13	11	
	Tỷ lệ (%)		7,7%	50,0%	42,3%	
6	Tiểu học Yên Xá	40				
6.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
6.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	33	03	18	12	
1	Giáo viên	33	03	18	12	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
6.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Văn thư kiêm Quản trị công sở	01			01	
3	Kế toán	01			01	
4	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
6.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	37	03	18	16	
	Tỷ lệ (%)		8,1%	48,6%	43,2%	
7	Tiểu học Tân Triều	28				
7.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	02				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	01				
7.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	23	02	13	08	
1	Giáo viên	23	02	13	08	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
7.3	Công việc chuyên môn dùng chung	03			03	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán kiêm Văn thư	01			01	
4	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
7.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					03
1	Nhân viên Bảo vệ					03
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	26	02	13	11	
	Tỷ lệ (%)		7,7%	50,0%	42,3%	
8	Tiểu học B thị trấn Văn Điển	48				
8.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
8.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	41	04	22	15	
1	Giáo viên	41	04	22	15	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
8.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Văn thư kiêm Quản trị công sở	01			01	
3	Kế toán	01			01	
4	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
8.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	45	04	22	19	
	Tỷ lệ (%)		8,9%	48,9%	42,2%	
9	Tiểu học Vũ Lăng	42				

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
9.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
9.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	35	03	19	13	
1	Giáo viên	35	03	19	13	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
9.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Văn thư kiêm Quản trị công sở	01			01	
3	Kế toán	01			01	
4	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
9.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					03
1	Nhân viên Bảo vệ					03
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	39	03	19	17	
	Tỷ lệ (%)		7,7%	48,7%	43,6%	
10	Tiểu học Phạm Tu	43				
10.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
10.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	36	04	20	12	
1	Giáo viên	36	04	20	12	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
10.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện kiêm Thủ quỹ	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán	01			01	

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HD NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
4	Văn thư	01			01	
5	Y tế học đường	01			01	
10.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					03
1	Nhân viên Bảo vệ					03
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	40	04	20	16	
	Tỷ lệ (%)		10,0%	50,0%	40,0%	
11	Tiểu học Tạ Hoàng Cơ	26				
11.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	02				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	01				
11.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	21	02	12	07	
1	Giáo viên	21	02	12	07	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
11.3	Công việc chuyên môn dùng chung	03			03	
1	Thư viện	01			01	
2	Văn thư kiêm Quản trị công sở, Thủ quỹ	01			01	
3	Kế toán kiêm Y tế học đường	01			01	
11.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					02
1	Nhân viên Bảo vệ					02
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	24	02	12	10	
	Tỷ lệ (%)		8,3%	50,0%	41,7%	
12	Tiểu học Vạn Phúc	53				
12.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
12.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	45	05	25	15	
1	Giáo viên	45	05	25	15	

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
2	Quản trị công sở kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					
4	Nhân viên y tế kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
12.3	Công việc chuyên môn dùng chung	05			05	
1	Thư viện	01			01	
2	Quản trị công sở	01			01	
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư kiêm Thủ quỹ	01			01	
5	Y tế học đường	01			01	
12.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					06
1	Nhân viên Bảo vệ					06
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	50	05	25	20	
	Tỷ lệ (%)		10,0%	50,0%	40,0%	
13	Tiểu học Đỗ Ngọc Du	40				
13.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
13.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	33	03	18	12	
1	Giáo viên	33	03	18	12	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
13.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư	01			01	
5	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
13.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	37	03	18	16	
	Tỷ lệ (%)		8,1%	48,6%	43,2%	
14	Tiểu học Yên Mỹ	24				
14.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	02				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	01				
14.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	19	02	11	06	
1	Giáo viên	19	02	11	06	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
14.3	Công việc chuyên môn dùng chung	03			03	
1	Thư viện kiêm Quản trị công sở	01			01	
2	Kế toán kiêm Văn thư	01			01	
3	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
4	Giáo viên kiêm Văn thư					
14.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					03
1	Nhân viên Bảo vệ					03
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	22	02	11	09	
	Tỷ lệ (%)		9,1%	50,0%	40,9%	
15	Tiểu học Vĩnh Quỳnh	74				
15.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HD NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
15.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	66	07	35	24	
1	Giáo viên	66	07	35	24	
2	Nhân viên văn thư kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Nhân viên y tế kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
15.3	Công việc chuyên môn dùng chung	05			05	
1	Thư viện	01			01	
2	Thiết bị kiêm Quản trị công sở, Thủ quỹ	01			01	
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư	01			01	
5	Y tế học đường	01			01	
15.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	71	07	35	29	
	Tỷ lệ (%)		9,8%	49,3%	40,8%	
16	Tiểu học Hữu Hòa	48				
16.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
16.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	41	04	22	15	
1	Giáo viên	41	04	22	15	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
16.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư	01			01	
5	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
16.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					06
1	Nhân viên Bảo vệ					06
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	45	04	22	19	
	Tỷ lệ (%)		8,9%	48,9%	42,2%	
17	Tiểu học Ngọc Hồi	44				
17.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
17.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	37	04	20	13	
1	Giáo viên	37	04	20	13	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					
4	Nhân viên y tế kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
17.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư kiêm Thủ quỹ	01			01	
5	Y tế học đường	01			01	
17.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	41	04	20	17	
	Tỷ lệ (%)		9,7%	48,8%	41,5%	

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
18	Tiểu học A thị trấn Văn Điển	58				
18.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
18.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	50	05	27	18	
1	Giáo viên	50	05	27	18	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
18.3	Công việc chuyên môn dùng chung	05			05	
1	Thư viện	01			01	
2	Quản trị công sở	01			01	
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư kiêm Thủ quỹ	01			01	
5	Y tế học đường	01			01	
18.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	55	05	27	23	
	Tỷ lệ (%)		9,1%	49,1%	41,8%	
19	Tiểu học Thanh Liệt	52				
19.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
19.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	45	05	24	16	
1	Giáo viên	45	05	24	16	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
19.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư	01			01	
5	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
19.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					03
1	Nhân viên Bảo vệ					03
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	49	05	24	20	
	Tỷ lệ (%)		10,2%	48,9%	40,8%	
20	Tiểu học Đông Mỹ	41				
20.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	02				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	01				
20.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	36	03	19	14	
1	Giáo viên	36	03	19	14	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Nhân viên y tế kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
20.3	Công việc chuyên môn dùng chung	03			03	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán kiêm Văn thư	01			01	
4	Y tế học đường	01			01	
5	Giáo viên kiêm Thủ quỹ					
20.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	39	03	19	17	
	Tỷ lệ (%)		7,7%	48,7%	43,6%	
21	Tiểu học Đại Áng	48				
21.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
21.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	41	04	22	15	
1	Giáo viên	41	04	22	15	
2	Phó Hiệu trưởng kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					
4	Nhân viên y tế kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
21.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Hiệu trưởng kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư	01			01	
5	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
21.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	45	04	22	19	
	Tỷ lệ (%)		8,9%	48,9%	42,2%	
22	Tiểu học Duyên Hà	22				
22.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	02				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	01				

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HD NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
22.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	17	02	10	05	
1	Giáo viên	17	02	10	05	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên (TPT) kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
22.3	Công việc chuyên môn dùng chung	03			03	
1	Thư viện kiêm Quản trị công sở	01			01	
2	Kế toán kiêm Văn thư	01			01	
3	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
22.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					03
1	Nhân viên Bảo vệ					03
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	20	02	10	08	
	Tỷ lệ (%)		10,0%	50,0%	40,0%	
23	Tiểu học Ngô Sĩ Kien	49				
23.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
23.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	42	04	23	15	
1	Giáo viên	42	04	23	15	
2	Giáo viên (TPT) kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên (TPT) kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
23.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư	01			01	

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
5	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
23.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					03
1	Nhân viên Bảo vệ					03
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	46	04	23	19	
	Tỷ lệ (%)		8,7%	50,0%	41,3%	
24	Tiểu học Ngũ Hiệp	48				
24.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	03				
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	02				
24.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	41	04	22	15	
1	Giáo viên	41	04	22	15	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Nhân viên y tế kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
24.3	Công việc chuyên môn dùng chung	04			04	
1	Thư viện	01			01	
2	Giáo viên kiêm Quản trị công sở					
3	Kế toán	01			01	
4	Văn thư kiêm Thủ quỹ	01			01	
5	Y tế học đường	01			01	
24.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					03
1	Nhân viên Bảo vệ					03
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	45	04	22	19	
	Tỷ lệ (%)		8,9%	48,9%	42,2%	
25	Dạy trẻ khuyết tật	23				
25.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	02				

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
1	Hiệu trưởng	01				
2	Phó Hiệu trưởng	01				
25.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	18	02	10	06	
1	Giáo viên	18	02	10	06	
2	Giáo viên kiêm Giáo vụ					
3	Giáo viên kiêm Tư vấn học sinh					
4	Giáo viên kiêm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
25.3	Công việc chuyên môn dùng chung	03			03	
1	Kế toán kiêm Thư viện	01			01	
2	Văn thư kiêm Quản trị công sở	01			01	
3	Y tế học đường kiêm Thủ quỹ	01			01	
25.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ					04
1	Nhân viên Bảo vệ					04
	Tổng số viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	21	02	10	09	
	Tỷ lệ (%)		9,5%	47,6%	42,9%	